

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 5 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành và bà Bùi Thị Lành.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Lầu 2-9, số nhà E, đường C, phố T, huyện T, Đài Loan (Trung Quốc); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị T để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Như H, sinh năm 1997 và chị Lê Thị Thanh L, sinh năm 2001; cùng địa chỉ: Biệt thự E, khu A, Khu đô thị N, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội, có mặt chị T, vắng mặt anh H.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Văn S, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1955; cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt ông S, bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Mạnh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D (nay là phường D, thị xã D), tỉnh Hà Nam) ngày 17 tháng 4 năm 2006 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, ban đầu vợ chồng

chung sống hòa thuận, hạnh phúc, anh T1 chịu khó làm ăn; sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2017, chị Lê Thị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan; từ đó, vợ chồng xa cách không quan tâm tới nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Nay, cả hai anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn; chị T xin ly hôn anh T1 đồng ý.

Về con chung, anh T1 và chị T đều xác định vợ chồng có 03 con chung gồm: (1) cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2007; (2) cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2009; (3) cháu Nguyễn Thị Tường V1, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2015. Hiện tại cháu M và cháu V đang ở với ông Lê Văn S và bà Phạm Thị B (ông bà ngoại); cháu V1 đang ở với anh Nguyễn Mạnh T1. Khi ly hôn, chị Lê Thị T xin nuôi cả 03 cháu; đồng thời, ủy quyền cho ông Lê Văn S và bà Phạm Thị B tạm thời nuôi dưỡng đến khi chị T về Việt Nam sẽ nuôi con theo quy định và không yêu cầu anh Nguyễn Mạnh T1 cấp dưỡng nuôi con chung; phía anh Nguyễn Mạnh T1 đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tường V1, còn 02 cháu (M và V) muốn ở với anh T1 thì anh T1 sẵn sàng nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại đơn đề nghị ngày 25 tháng 4 năm 2024, chị T thay đổi yêu cầu nuôi con và nhất trí giao cháu V1 cho anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định, còn hai cháu M và V chị T tiếp tục xin nuôi; đồng thời, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung và chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác: Cả hai anh chị đều xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của các cháu Nguyễn Thị Trà M, cháu Nguyễn Thị Tường V đều có nguyện vọng được ở cùng chị Lê Thị T. Do chị T đang lao động tại Đài Loan nên cháu M và cháu V nhất trí tiếp tục ở cùng ông Lê Văn S, bà Phạm Thị B. Đối với cháu Nguyễn Thị Tường V1, nguyện vọng được ở với anh Nguyễn Mạnh T1.

Quan điểm của ông Lê Văn S và bà Phạm Thị B đều xác định anh T1 và chị T có 03 con chung trong đó: Cháu Nguyễn Thị Trà M, cháu Nguyễn Thị Tường V do ông S và bà B nuôi dưỡng từ tháng 10 năm 2023 đến nay; cháu Nguyễn Thị Tường V1 do anh T1 nuôi dưỡng. Nếu anh chị ly hôn, ông S và bà B đề nghị giao cháu M và cháu V cho chị T nuôi dưỡng; trong thời gian chị T đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan, ông S và bà B tự nhận nuôi dưỡng hai cháu (M và V); đối với cháu V1 tiếp tục giao anh T1 nuôi dưỡng. Hàng tháng chị T vẫn gửi tiền cho ông S, bà B để nuôi các cháu.

Tại phiên toà sơ thẩm, chị Lê Thị Thanh L trực tiếp điện thoại qua ứng dụng Zalo cho chị Lê Thị T và chị T đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn; về con chung chị T đề nghị Toà án giao các cháu Nguyễn Thị Trà M và Nguyễn Thị Tường V cho chị T nuôi dưỡng, chị T nhờ ông S, bà B tạm thời chăm các cháu (M, V) đến khi chị T hết hạn hợp đồng lao động và về Việt Nam;

chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Thị Tường V1, chị T nhất trí để anh Nguyễn Mạnh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Về án phí chị T tự nguyện chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định. Quan điểm của anh Nguyễn Mạnh T1 nhất trí với quan điểm của chị T và đề nghị gia đình ông S, chị T không được ngăn cản quyền thăm nom con chung. Đối với ông Lê Văn S nhất trí với quan điểm của chị T và nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cả hai cháu (M, V) đến khi chị T về Việt Nam, ông S giao lại cho chị T nuôi dưỡng theo quy định.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Mạnh T1.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao các cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 21/5/2007 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 09/9/2009 cho chị Lê Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm giao các cháu M và V cho ông Lê Văn S và bà Phạm Thị B nuôi dưỡng trong thời gian chị T lao động xuất khẩu tại Đài Loan đến khi chị T về Việt Nam, ông S bà B có trách nhiệm giao lại cháu M và cháu V cho chị T theo quy định; giao cháu Nguyễn Thị Tường V1, sinh ngày 04/11/2015 cho anh Nguyễn Mạnh T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt; tại phiên tòa, bà Phạm Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nhất trí với quan điểm đã trình bày trước đó. Đối với anh Nguyễn Như H là người được nguyên đơn uỷ quyền để giao nhận văn bản tố tụng nhưng vắng mặt; tuy nhiên, việc giao nhận các văn bản tố tụng đều do chị Lê Thị Thanh L thực hiện. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị T và anh Nguyễn Mạnh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D (nay là phường D, thị xã D), tỉnh Hà Nam ngày 17 tháng 4 năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Đến năm 2017, chị Lê Thị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan; từ đó, vợ chồng xa cách không quan tâm tới nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 3 năm 2017. Nay, chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Mạnh T1 là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung, anh Nguyễn Mạnh T1 và chị Lê Thị T thoả thuận giao các cháu Nguyễn Thị Trà M, Nguyễn Thị Tường V cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và tạm thời ông Lê Văn S và bà Phạm Thị B thay mặt chị T nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu M, V đến khi chị T về Việt Nam sẽ giao lại các cháu cho chị T nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Tường V1 cho anh Nguyễn Mạnh T1 nuôi dưỡng; các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và giao các cháu Nguyễn Thị Trà M, Nguyễn Thị Tường V cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; đồng thời, tạm giao các cháu M, V cho ông Lê Văn S và bà Phạm Thị B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Tường V1 cho anh Nguyễn Mạnh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T và anh T1 đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Do chị Lê Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên, Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc chị T phải chịu 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Mạnh T1.
2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2007 và cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2009 cho

chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu M và V đủ 18 tuổi và lao động tự lập được.

Tạm giao các cháu Nguyễn Thị Trà M và Nguyễn Thị Tường V cho ông Lê Văn S và bà Phạm Thị B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị Lê Thị T về Việt Nam sinh sống, ông S, bà B có trách nhiệm giao lại các cháu M, V cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định.

Giao cháu Nguyễn Thị Tường V1 cho anh Nguyễn Mạnh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V1 đủ 18 tuổi và lao động tự lập được. Chị T và anh T1 đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Lê Thị Thanh L đã nộp thay chị T theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000015 ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Trả lại chị Lê Thị T số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; báo cho bà Phạm Thị B và anh Nguyễn Như H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Duy Minh;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy